TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/DS-ST
Ngày 30-11-2019
V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thành Tính;

2. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2019/TLST-DS ngày 20-8-2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2019/QĐXXST-DS ngày 31-10-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V; trụ sở: Số A, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Cao T, chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch Q - Ngân hàng V, là người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền số 1358/UQ-DQU-HCNS ngày 22-11-2019); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1981; ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: các cháu Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2004, Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2006, Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 2012;

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị N, sinh năm 1981; ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1977 (là cha mẹ ruột của các cháu), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18-06-2019, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng V cho bà N, ông A vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sau đây:

- Hợp đồng tín dụng số 294/2018/DQ.QT ngày 27-3-2018, số tiền cho vay 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng); thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên; mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở; phương thức trả nợ: Bên vay trả nợ gốc + lãi định kỳ 01 tháng/lần, số tiền phải trả nợ gốc từ kỳ hạn tháng thứ 1 đến tháng thứ 59 là 1.430.000 đồng/tháng, kỳ hạn tháng thứ 60 là 630.000 đồng; lãi suất cho vay áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu là 7,7%/năm và thay đổi theo từng thời kỳ biên độ 3,5; ngày nhận nợ là ngày 28-03-2018, số tiền nhận nợ 85.000.000 đồng. Ngày 05-7-2019, bà N, ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc + lãi nên khoản vay chuyển sang nợ quá hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 1546/2018/DQ.QT ngày 28-12-2018, số tiền cho vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán lưới, gia công lưới phục vụ đánh bắt hải sản; phương thức trả nợ: trả nợ gốc cuối kỳ, lãi trả hàng tháng; lãi suất cho vay: 10,7%/năm được ghi trên giấy nhận nợ và cố định trong thời hạn cho vay; ngày nhận nợ là 02-01-2019, số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng. Ngày 27-4-2019, bà N, ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi nên khoản vay chuyển sang nợ quá hạn

Để bảo đảm khoản vay, bà N, ông A thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số 105/2017/HĐTC.DQ.QT ngày 21-6-2017.

Tính đến ngày 30-11-2019, bà N, ông A còn nợ Ngân hàng V số tiền 602.805.039 đồng, trong đó nợ gốc là 566.396.546 đồng, tiền nợ lãi và nợ quá hạn là 36.408.493 đồng.

Nay Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N, ông A trả cho Ngân hàng V số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi bà N, ông A trả xong toàn bộ khoản vay. Trường hợp bà N, ông A không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi phát mại tài sản thế chấp là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ, QSHN và TSK) cho bà N, ông A ngày 20-12-2011 (số phát hành BH 457051, số vào sổ CH 0061) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số 105/2017/HĐTC.DQ.QT ngày 21-6-2017. Sau khi phát mại tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà N, ông A có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

** Bị đơn bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tống đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N, ông A trả cho Ngân hàng V số tiền 602.805.039 đồng, trong đó nợ gốc là 566.396.546 đồng, tiền nợ lãi và nợ quá hạn là 36.408.493 đồng; tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả xong; trường hợp bà N, ông A không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi phát mại tài sản thế chấp là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số 105/2017/HĐTC.DQ.QT ngày 21-6-2017 để thu hồi nợ. Sau khi phát mại tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà N, ông A có trách

nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là bà N, ông A vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà N, ông A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ.

[2.2] Theo Hợp đồng tín dụng số 294/2018/DQ.QT ngày 27-3-2018 thể hiện Ngân hàng V cho bà N, ông A vay số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng) như Ngân hàng V trình bày; ngày 28-3-2018, bà N, ông A nhận nợ với số tiền nhận nợ 85.000.000 đồng.

Theo Hợp đồng tín dụng số 1546/2018/DQ.QT ngày 28-12-2018 thể hiện Ngân hàng V cho bà N, ông A vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) như Ngân hàng V trình bày, ngày 02-01-2019 bà N, ông A nhận nợ với số tiền 500.000.000 đồng.

[2.3] Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/2017/HĐTC.DQ.QT ngày 21-6-2017 thể hiện tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên, bao gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ, QSHN và TSK cho bà N, ông A ngày 20-12-2011 (số phát hành BH 457051, số vào sổ CH 0061).

[2.4] Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ khoản vay và bảng kê chi tiết tính lãi do Ngân hàng V cung cấp cho Tòa án thể hiện trong quá trình vay vốn bà N, ông A vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên toàn bộ nợ vay của bà N, ông A đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, việc Ngân hàng V khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà N, ông A trả cho Ngân hàng V số tiền nợ tính đến ngày 30-11-2019 là 602.805.039 đồng, trong đó nợ gốc là 566.396.546 đồng, nợ lãi và nợ quá hạn là 36.408.493 đồng; bà N, ông A có

nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 01-12-2019 đến khi trả xong khoản vay .

Trong trường hợp bà N, ông A không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi phát mại tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để thu hồi nợ.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp nếu không đủ để trả nợ thì bà N, ông A có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong nợ.

[2.5] Về chi phí tố tụng: Bà N, ông A phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Ngân hàng V đã tạm ứng 2.000.000 đồng nên bà N, ông A có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng V theo quy định tại các Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.6] Về án phí: Bà N, ông A phải chịu 28.112.201 đồng án phí dân sự sơ thẩm (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản vượt quá 400.000.000 đồng) theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tạm ứng án phí cho Ngân hàng V.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các các Điều 144, 147, 157, 158, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 318, 320 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 30-11-2019 là 602.805.039 đồng (sáu trăm lẻ hai triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, không trăm ba mươi chín đồng) , trong đó nợ gốc là 566.396.546 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng), nợ lãi và nợ quá hạn là 36.408.493 đồng (ba mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng); bà N, ông A tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng V và bà Lê Thị

N, ông Nguyễn Văn A (bao gồm hợp đồng tín dụng số 294/2018/DQ.QT ngày 27-3-2018 và số 1546/2018/DQ.QT ngày 28-12-2018) kể từ ngày 01-12-2019 đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bà N, ông A không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi phát mại tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 11, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ, QSHN và TSK cho bà N, ông A ngày 20-12-2011 (số phát hành BH 457051, số vào sổ CH 0061) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/2017/HĐTC.DQ.QT ngày 21-6-2017 để thu hồi nợ.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp nếu không đủ để trả nợ thì bà N, ông A có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong nợ.

2. Bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn A phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Ngân hàng V đã tạm nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên bà N, ông A có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng V 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

3. Bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn A phải chịu 28.112.201 đồng (hai mươi tám triệu, một trăm mười hai nghìn, hai trăm lẻ một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng V tiền tạm ứng án phí 13.553.462 đồng (mười ba triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0001499 ngày 13-8-2019 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0002999 ngày 15-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Ánh